

Số: **23** /2010/QĐ-UBND *Thành phố Cao Lãnh, ngày 02 tháng 8 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2010/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa VII thông qua tại kỳ họp thứ 14 “về việc phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký; bãi bỏ Quyết định số 67/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước.

Sở Tài chính có trách nhiệm tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./ *CS*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (I, II);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- CT & các PCT/UBND Tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Các ban Đảng và đoàn thể Tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp, tổ chức CT-XH;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- NC (TH, LTPP);
- Lưu VT.HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Trọng Nghĩa

QUY ĐỊNH

Về phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số **23** /2010/QĐ-UBND
ngày **02** tháng **8** năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này phân cấp việc thực hiện một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp.
2. Tài sản nhà nước bao gồm: Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất; quyền sử dụng đất của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác do pháp luật quy định.
3. Các tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định quy định tại khoản 2 Điều 1, được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp.
2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính, việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 30, 31, 32, 33, 34 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các điều từ Điều 38 đến 51 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.
3. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn Tỉnh không áp dụng quy định này.

**Chương II
NỘI DUNG PHÂN CẤP**

- Điều 3. Phân cấp về thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước.**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định mua sắm tài sản nhà nước:

- Xe ô tô các loại, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh, trừ xe chuyên dùng.

- Trụ sở làm việc và các công trình xây dựng gắn liền với đất.

2. Thủ trưởng các Sở, ban ngành Tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở, ngành cấp Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các Phòng, ban thuộc huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ dự toán được Ngân sách nhà nước giao hàng năm quyết định mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định và tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định về thực hiện Luật đấu thầu và các văn bản khác có liên quan.

3. Các trường hợp thật sự cần thiết và cấp bách, căn cứ theo Luật Ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân các cấp quyết định bổ sung Ngân sách để mua sắm tài sản nhà nước ngoài dự toán Ngân sách được giao hàng năm của các cơ quan hành chính thuộc địa phương quản lý và đơn vị sử dụng tài sản tiến hành mua sắm theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Phân cấp về thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định thuê:

a) Trụ sở làm việc đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

b) Tài sản khác đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định thuê:

a) Trụ sở làm việc đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý.

b) Tài sản khác đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê tài sản khác phục vụ hoạt động chuyên môn của đơn vị trong nguồn kinh phí được Ngân sách nhà nước giao hàng năm.

Nội dung, trình tự, thủ tục thuê trụ sở làm việc thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 6, Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật quy định hiện hành của Nhà nước. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi quản lý ngân sách và dự toán chi ngân sách được giao hàng năm.

Điều 6. Phân cấp về thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định thu hồi tài sản nhà nước của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc của cơ quan hành chính, cơ sở hoạt động sự nghiệp, các công trình xây dựng gắn liền với đất.

b) Xe ô tô các loại.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý (trừ tài sản thuộc thẩm quyền thu hồi của Ủy ban nhân dân Tỉnh).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi tài sản nhà nước của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý (trừ tài sản thuộc thẩm quyền thu hồi của Ủy ban nhân dân Tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính).

Điều 7. Phân cấp về thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc cơ quan hành chính, cơ sở hoạt động sự nghiệp, các công trình xây dựng gắn liền với đất.

b) Xe ô tô các loại.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản nhà nước các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý (trừ tài sản thuộc thẩm quyền điều chuyển của Ủy ban nhân dân Tỉnh).

3. Thủ trưởng các Sở, ban ngành Tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định điều chuyển tài sản nhà nước trong nội bộ ngành hoặc thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý; tài sản thuộc thẩm quyền điều chuyển là tài sản khác (trừ tài sản thuộc thẩm quyền điều chuyển của Ủy ban nhân dân Tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính).

Điều 8. Phân cấp về thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định thanh lý tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, các công trình xây dựng gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất.

b) Xe ô tô các loại.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, các công trình xây dựng gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý.

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc cùng một loại tài sản với số lượng lớn có tổng giá trị từ 300 triệu đồng trở lên.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản nhà nước có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định thanh lý tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, các công trình xây dựng gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý; tài sản khác (trừ tài sản nhà nước thuộc thẩm quyền thanh lý của Ủy ban nhân dân Tỉnh).

Nội dung, trình tự thủ tục thanh lý tài sản nhà nước thực hiện theo Điều 28 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

Điều 9. Phân cấp về thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định bán tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp thuộc địa phương quản lý, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, các công trình xây dựng gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất.

b) Xe ô tô các loại.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, các công trình xây dựng gắn liền với đất đã có quyết định thanh lý phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý.

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc cùng một loại tài sản với số lượng lớn có tổng giá trị từ 300 triệu đồng trở lên.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quyết định quyết định bán tài sản nhà nước (trừ trụ sở làm việc, các công trình xây dựng

gắn liền với đất; xe ô tô các loại) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định bán tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, các công trình xây dựng gắn liền với đất đã có quyết định thanh lý phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý; tài sản khác (trừ tài sản nhà nước thuộc thẩm quyền bán của Ủy ban nhân dân Tỉnh).

Nội dung, trình tự, thủ tục bán tài sản nhà nước thực hiện theo Điều 21 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

Điều 10. Phân cấp về thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể Tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định tiêu hủy tài sản (xóa bỏ sự tồn tại của tài sản) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc được giao quản lý, sử dụng; đảm bảo các điều kiện về tiêu hủy tài sản và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 11. Thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước dùng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô các loại và tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định đối với tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Phương thức và giá cho thuê; quản lý và sử dụng tiền thu được từ cho thuê tài sản nhà nước thực hiện theo Điều 25, 26, 27 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Điều 12. Báo cáo kê khai tài sản nhà nước

1. Tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được quản lý và đăng ký kê khai tài sản theo đúng quy định của pháp luật. Những tài sản phải đăng ký, kê khai quyền quản lý, sử dụng, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc cơ quan hành chính, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

b) Xe ô tô các loại.

c) Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được Nhà nước giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản phải báo cáo, kê khai quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước với cơ quan tài chính.

a) Báo cáo kê khai lần đầu: theo qui định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Trường hợp cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 12 của quy định này không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, cơ quan tài chính nhà nước có quyền yêu cầu Kho bạc nhà nước tạm đình chỉ thanh toán các khoản chi phí liên quan đến tài sản phải báo cáo và không bố trí kinh phí mua sắm tài sản cố định vào dự toán ngân sách năm sau của cơ quan đó; người đứng đầu cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước bị xử lý theo quy định.

b) Đối với tài sản đã đăng ký theo quy định tại Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ “Quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước” thì không phải đăng ký, kê khai lần đầu theo quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009.

c) Báo cáo kê khai bổ sung thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi, đối với tài sản đưa vào sử dụng do hoàn thành đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn thì thời gian thay đổi tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng.

3. Đối với những tài sản cố định khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy định này thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lập thẻ tài sản cố định để theo dõi, hạch toán và thực hiện chế độ quản lý tài sản nhà nước theo quy định.

4. Nội dung, trình tự, hồ sơ kê khai quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo Điều 15, 16, 17 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 13. Kiểm kê tài sản và tính khấu hao tài sản cố định

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện kiểm kê tài sản vào ngày 31 tháng 12 hàng năm theo quy định của chế độ kế toán và thực hiện tính khấu hao tài sản theo Quyết định số 32/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 5 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng Ngân sách nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo phân cấp

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm thực hiện việc quản lý sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và Quyết định số 32/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 5 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng Ngân sách nhà nước.

2. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan đơn vị, đơn vị trực thuộc về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước lập hồ sơ về tài sản, thực hiện trình tự, thủ tục mua sắm, thu hồi, bảo dưỡng, sửa chữa, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản theo qui định hiện hành. Hàng năm, tổng hợp báo cáo tình hình mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản nhà nước đến thời điểm 31 tháng 12, gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 01 của năm sau để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Tài chính tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp. / *105*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Trọng Nghĩa